

CÔNG TY TNHH HÓA NHỰA ĐỆ NHẤT
THE FIRST CHEMICAL PLASTIC Co., LTD



ISO 9001:2015

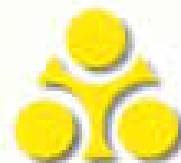
NHỰA ĐỆ NHẤT

ỐNG & PHỤ KIỆN NHỰA PP-R

PP-R PIPES & FITTINGS

NHÀ MÁY NHỰA ĐỆ NHẤT TẠI TỈNH LONG AN

The First Plastic Factory In Long An Province



NHÀ MÁY NHỰA ĐỆ NHẤT TẠI TỈNH HẢI DƯƠNG

The First Plastic Factory In Hai Duong Province



CÔNG TY TNHH HÓA NHỰA ĐỆ NHẤT

THE FIRST CHEMICAL PLASTIC Co., LTD

Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất được thành lập từ năm 1994 là đơn vị chuyên doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại trên lãnh thổ Việt Nam. Các sản phẩm của Công Ty bao gồm: Ống nhựa và phụ tùng uPVC, HDPE, PPR. Sản phẩm ống và phụ kiện nhựa cao cấp của chúng tôi được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề và có trình độ cao.

Sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, Công ty Nhựa Đệ Nhất là một trong những Công ty sản xuất và cung ứng các sản phẩm Ống và Phụ Kiện cho ngành Cấp Thoát Nước hàng đầu tại Việt Nam. Các sản phẩm chịu áp lực cao, chịu va đập tốt, đồng bộ và đầy đủ tất cả các chủng loại. Sản phẩm của chúng tôi đã được tín nhiệm và sử dụng tại rất nhiều công trình trên cả nước đem lại sự bền vững và hiệu quả kinh tế cao.

Với hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, toàn bộ sản phẩm của chúng tôi được cấp chứng nhận phù hợp với các tiêu chuẩn như ISO, ASTM, DIN và tiêu chuẩn Việt Nam.

Tất cả các sản phẩm của công ty Đệ Nhất được sản xuất tại 2 Nhà Máy tại Tỉnh Long An và Hải Dương, cùng hệ thống 2 Chi Nhánh tại Hà Nội và Thành Phố Hồ Chí Minh, các Văn Phòng Đại Diện tại Đà Nẵng, Nha Trang, Cần Thơ đảm bảo khả năng sản xuất và phân phối sản phẩm có chất lượng một cách hiệu quả, kịp thời, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên toàn quốc.

The First Chemical Plastic Co., Ltd have been established in 1994, it is a specialized business company in the field of production and trade in Viet Nam. Company's Products included: uPVC, HDPE, PPR Pipe and Fittings. Pipes and Fitting products of our Company have been manufactured on the modern technology systems, professional technique workers and high knowledge staffs.

After 20 years formed and developed, The First Plastic Co., is one of top companies in Viet Nam produce and supply Pipe and Fittings Product for Drainage And Water Supply Sector. Products endure high pressure, high impact strength, synchronous and full accessories. Our Products have been trusted and used at many Project in Viet Nam bring sustainability and high economic efficiency.

With quality management system ISO 9001: 2008, all our products are certified in accordance with the standards such as ISO, ASTM, DIN and Vietnam standards.

All products of The First Company are manufactured at 2 Factory in Hai Duong and Long An Province, and system: 2 Branch in Hanoi and Ho Chi Minh City, the Representative Office in Da Nang, Nha Trang, Can Tho ensure the production abilities and distribution quality products effectively and timely to meet the needs of customers across the country.



I

ỐNG & PHỤ TÙNG NHỰA CHỊU NHIỆT PPR ĐỆ NHẤT.

THE FIRST THERMOSTABLE PPR PLASTIC PIPE AND FITTINGS.

- Ống và Phụ Tùng PPR Đệ Nhất được sản xuất theo tiêu chuẩn DIN 8078. Có các ưu điểm như sau:
- Không gây độc hại, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm
- Chịu được nhiệt độ và áp suất cao.
- Tính dẫn nhiệt thấp, giữ nhiệt tốt, tiết kiệm năng lượng
- Độ bền cơ học lớn, chịu tốt va đập và áp lực
- Bề mặt ống nhẵn mịn, Công suất nước chảy lớn
- Dễ lắp đặt và thi công, tiết kiệm thời gian, nhân lực
- Nhẹ, dễ vận chuyển.

- PPR Pipe and Fittings are produced in compliance with DIN 8078 Standard. Which have advantages as follow:
- Non-toxic, Hygiene and food safety are guaranteed.
- Endure high temperature and pressure.
- Low Thermal Conductivity. Keep Temperature good. Save Energy.
- High mechanical Strength, good resistance to impact and pressure.
- Smooth surface, greater hydraulic capacity.
- Simple and readily joined, easy in installation work save time and human resource.
- Light Weight, Easy to Transport.

Tên Chỉ Tiêu / Characteristics	Đơn vị / Unit	Giá Trị / Value
Tỷ Trọng / Density	g / cm ³	0.91
Độ bền kéo đứt / Tensile Strength	MPA	23
Hệ số giãn nở nhiệt / Coefficient of linear expansion	Mm / m.°C	0.15
Điện trở suất bề mặt / Surface resistivity	Ω	10 ¹²
Nhiệt độ làm việc cho phép / Working Temperature	°C	0 - 95
Điểm mềm Vicat / Vicat Softening Point	°C	132

- Chịu được các loại axit, dung dịch kiềm, dung dịch muối và dung môi yếu.
- Không chịu được các loại axit đậm đặc có tính oxy hóa và các tác nhân halogen.

- Resistance to a lot of chemicals: Acid Solutions, alkaline solutions, Salt Solutions and weak solvents
- Not resistance to oxidizing acids and halogen agents.

- Ống và Phụ tùng Nhựa PPR Đệ Nhất thích hợp sử dụng cho các lĩnh vực sau:
- Các hệ thống ống dẫn nước nóng - lạnh, nước sạch cho các loại công trình xây dựng như Chung cư, bệnh viện, khách sạn, Công Sở..., dẫn nước lạnh trong các hệ thống điều hòa, các đường ống dùng trong nông nghiệp, tưới tiêu và thủy lợi, ống dẫn sưởi ấm và hơi ga công nghiệp...

- The First PPR Pipes and fitting suitable for the following fields.
- Pipe system used for transport hot and cold water for many kinds of construction as Building, hospital, hotel, Office...ect, transport cold water for Air Condition systems, Pipelines used for agriculture and irrigation sector, pipelines for heating system and industrial gas...



II

QUY CÁCH ỚNG

SPECIFICATION OF PIPE

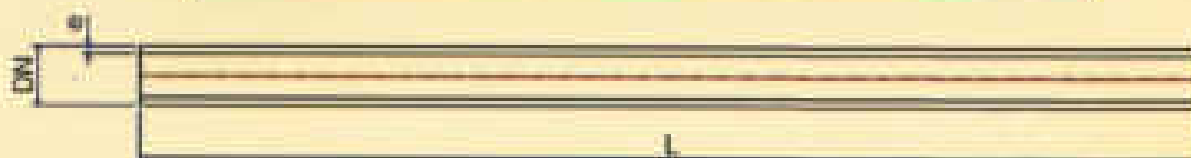
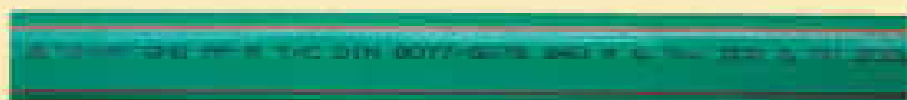
ỚNG NHỰA PPR TIÊU CHUẨN DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09

PPR PLASTIC PIPE STANDARD DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09

Ớng PPR PN 10



Ớng PPR PN 20



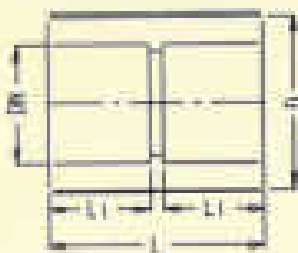
Đường Kính DN Nominal Size (mm)	Đường kính Ngoài Outside Diameter (mm)	Độ dày e Thickness e (mm)			Chiều dài Length (mm)
		PN 10	PN 16	PN 20	
20	20	2.3	2.8	3.4	4000
25	25	2.8	3.5	4.2	4000
32	32	2.9	4.4	5.4	4000
40	40	3.7	5.5	6.7	4000
50	50	4.6	6.9	8.3	4000
63	63	5.8	8.6	10.5	4000
75	75	6.8	10.3	12.5	4000
90	90	8.2	12.3	15	4000
110	110	10	15.1	18.3	4000
125	125	11.4	17.1	20.8	4000
140	140	12.7	19.2	23.3	4000
160	160	14.6	21.9	26.6	4000
200	200	18.2	27.4	33.2	4000

III

PHỤ KIỆN PPR ĐỆ NHẤT THEO TIÊU CHUẨN TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013

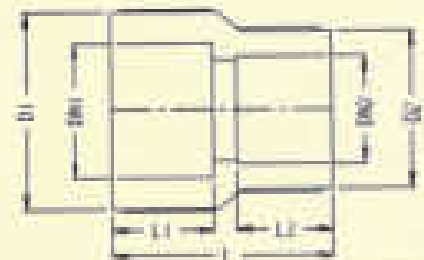
THE FIRST PPR FITTINGS STANDARD TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013

NỐI (Socket)



SIZE (mm)	D (mm)	L1 (mm)	L (mm)
20	28	33	16.5
25	35	18	39
32	44	19	41
40	55	21	43
50	69	24	51
63	85.5	28	62
75	99.5	32	70
90	119.5	36	80
110	119.5	36	80
125	168	41	90
140	188	44	98
160	213	48	106

NỐI GIẢM (Reducing Socket)



SIZE (mm x mm)	L1 (mm)	L2 (mm)	D1 (mm)	D2 (mm)	L (mm)
25 x 20	18	17	35	28	39
32 x 20	19	15	44	28	38.5
32 x 25	19	16.5	44	35	40
40 x 20	21	15	55	28	52
40 x 25	21	16.5	55	35	52
40 x 32	21	19	55	44	52
50 x 20	24	15	69	28	58
50 x 25	24	16.5	69	35	60
50 x 32	24	19	69	44	60
50 x 40	24	21	69	55	60
63 x 20	28	15	85.5	28.2	77
63 x 25	28	16.5	85.5	35	78
63 x 32	28	19	85.5	44	67
63 x 40	28	21	85.5	55	69
63 x 50	28	24	85.5	69	67
75 x 32	32	21	99.5	55	82.5
75 x 40	32	24	99.5	69	82.5
75 x 50	32	24	99.5	69	82.5
75 x 63	32	28	99.5	85.5	80.5
90 x 40	36	21	119.5	55	85.5
90 x 50	36	24	119.5	69	88
90 x 63	36	28	119.5	85.5	92.5
90 x 75	36	32	119.5	99.5	95.5
110 x 50	42	24	148	69	96
110 x 63	42	28	148	85.5	96
110 x 75	42	32	148	99.5	104
110 x 90	42	36	148	119.5	108

SIZE (mm x mm)	D1 (mm)	D2 (mm)	L (mm)
125 x 110 *	125	110	130
140 x 110 *	140	110	140
140 x 125 *	140	125	140
160 x 110 *	160	110	140
160 x 125 *	160	125	145
160 x 140 *	160	140	145
200 x 160 *	200	160	180

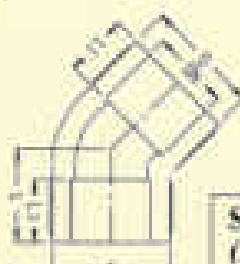
* Phụ kiện hàn đối đầu

* Áp lực làm việc Phụ Kiện
Working pressure for Fitting

Ø 20 -> Ø 50	PN25
Ø 63 -> Ø 200	PN20
Rắc Co Nhựa (Fusion Socket)	PN10



CO 45° (Elbow 45°)

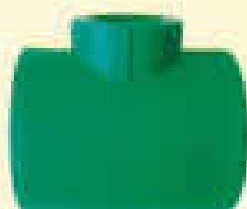


SIZE (mm)	D (mm)	L (mm)
125*	125	105
140*	140	115
160*	160	135
200*	200	140

SIZE (mm)	D (mm)	L1 (mm)	L (mm)
20	28	15	22.5
25	33	18	26
32	44	19	28
40	55	19	28
50	69	24	38
63	85.5	28	45
75	99.5	32	50
90	119.5	36	58
110	148	42	68

* Phụ kiện hàn đối đầu

TÊ GIẢM (Reducing Tee)

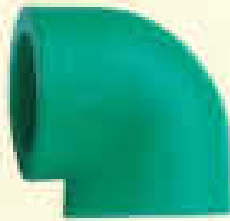
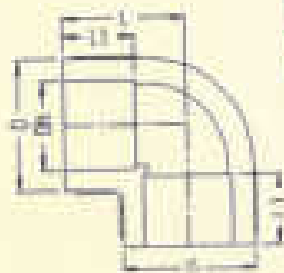


SIZE (mm x mm)	D1 (mm)	D2 (mm)	L3 (mm)	L (mm)
140 x 110 *	140	110	142	264
140 x 125 *	140	125	142	274
160 x 110 *	160	110	155	300
160 x 125 *	160	125	155	300

* Phụ kiện hàn đối đầu

SIZE (mm x mm)	L1 (mm)	L2 (mm)	L3 (mm)	D1 (mm)	D2 (mm)	L (mm)
25 x 20	16.52	15	28.5	35	28	56
32 x 20	18.5	15	32	44	28	60
32 x 25	18.5	16.5	33	44	35	64.6
40 x 20	20.5	15	36	55	28	64
40 x 25	20.5	16.5	37.5	55	35	69
40 x 32	20.5	19	40	55	44	75.6
50 x 20	24	15	42.5	69	27.5	76
50 x 25	24	16.5	42.5	69	35	76
50 x 32	24	19	45	69	44	82.5
50 x 40	24	22	48	69	55	90
63 x 20	28	15	48	85.5	28	80
63 x 25	28	16.5	49	85.5	35	85
63 x 32	28	19	51.5	85.5	44	92
63 x 40	28	21	54	85.5	55	99
63 x 50	28	24	57	85.5	69	109
75 x 32	32	19	58	99.5	44	99
75 x 40	32	21	59	99.5	55	107.5
75 x 50	32	24	63	99.5	69	120
75 x 63	32	28	66	99.5	85.5	130.5
90 x 40	35.5	21	66	119.5	55	115
90 x 50	35.5	24	69	119.5	69	125
90 x 63	36	28	73	119.5	85.5	138
90 x 75	42	32	88	148	99.5	166
110 x 50	42	24	84	148	69	150
110 x 63	42	28	84	148	85.5	150
110 x 75	42	32	91	148	99.5	175
110 x 90	42	36	91	148	119.5	175

CO 90° (Elbow 90°)

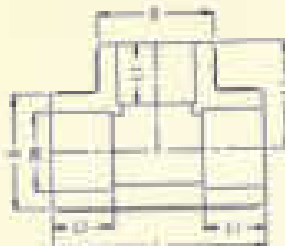
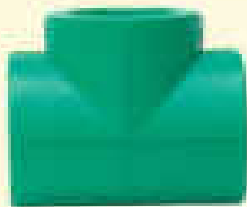


SIZE (mm)	D (mm)	L (mm)
125 ^a	125	135
140 ^a	140	140
160 ^a	160	145
200 ^a	200	195

SIZE (mm)	D (mm)	L1 (mm)	L (mm)
20	28	15	26
25	35	18	31
32	44	18.5	35
40	55	20.5	42
50	69	24	50
63	85.5	28	61
75	99.5	32	70.25
90	119.5	36	81
110	148	42	97.5

^a Phụ kiện hàn đối đầu

TÊ (Tee)

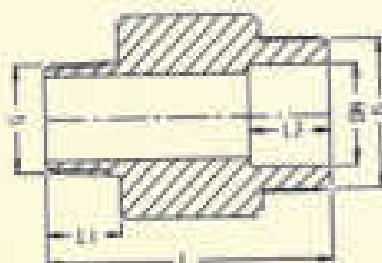


SIZE (mm)	D (mm)	L1 (mm)	L2 (mm)	L (mm)
20	28	15	26	52
25	35	18	31	62
32	44	18.5	35	70
40	55	20.5	42	84
50	69	24	50	100
63	85.5	28	61	122
75	99.5	32	70	140
90	119.5	36	81	162
110	148	42	97.5	195

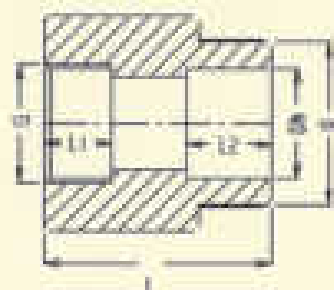
SIZE (mm)	D (mm)	L (mm)
125 ^a	125	270
140 ^a	140	284
160 ^a	160	390
200 ^a	200	390

^a Phụ kiện hàn đối đầu

NỐI RĂNG NGOÀI (Male Threaded Coupling)

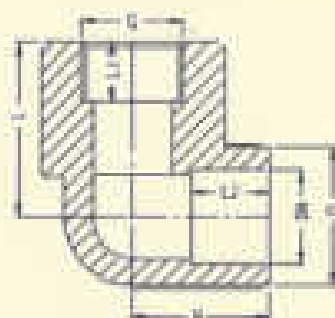


SIZE (mm)	G (inch)	D (mm)	L (mm)	L1 (mm)	L2 (mm)
20	1/2"	28	53.8	13.8	15
25	1/2"	35	55.8	13.8	18
25	3/4"	35	59.8	16.3	18
32	1"	44	69.8	19.8	19
40	1 1/4"	55	93	36	20.5
50	1 1/2"	69	92.5	35	24
63	2"	85.5	103	38	28



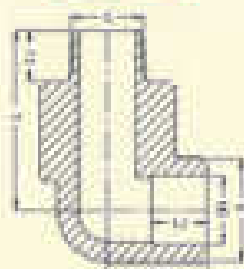
NỐI RĂNG TRONG (Female Threaded Coupling)

SIZE (mm)	G (inch)	D (mm)	L (mm)	L1 (mm)	L2 (mm)
20	1/2"	28	40	13.7	15
25	1/2"	36	40	13.7	18
25	3/4"	35	43.5	16.5	18
32	1"	44	50	19.5	19
40	1 1/4	55	72.4	26.5	20.5
50	1 1/2	69	66	22.4	24
63	2"	85.5	81	24.8	28.2



CO 90° RĂNG TRONG (Female Thread 90° Elbow)

DN (mm)	G (inch)	D (mm)	L (mm)	L1 (mm)	L2 (mm)	H (mm)
20	1/2"	28	35	13.7	16	28
25	1/2"	35	38.5	13.7	18	32
25	3/4"	35	40	14.5	18	32
32	1"	44	50	19.5	19	37.5

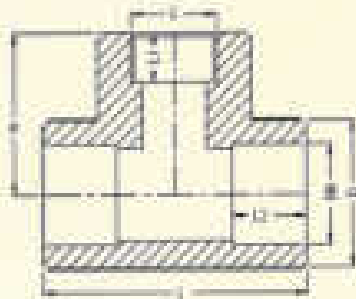


CO 90° RĂNG NGOÀI (Female Thread 90° Elbow)

DN (mm)	G (inch)	D (mm)	L (mm)	L1 (mm)	L2 (mm)	H (mm)
20	1/2"	28	48.8	13.8	16	28
25	1/2"	35	52.3	13.8	18	32
25	3/4"	35	56.3	16.3	18	32
32	1"	44	69.8	19.8	19	37.5



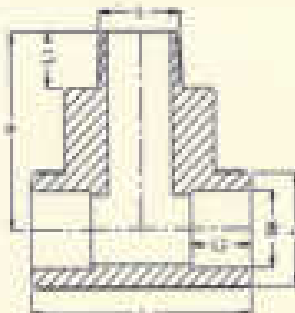
TÊ REN TRONG (FEMALE TEE ADAPTOR)



SIZE (mm)	G (inch)	D (mm)	L (mm)	L1 (mm)	L2 (mm)	H (mm)
20	1/2"	28	55	13.7	15	35
20	3/4"	28	64	16.5	15	38
25	1/2"	35	64	13.7	18	38.5
25	3/4"	35	64	16.5	18	40
32	1"	44	75	19.5	18.5	47

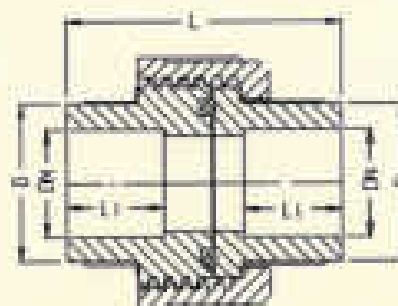


TÊ REN NGOÀI (MALE TEE ADAPTOR)



SIZE (mm)	G (inch)	D (mm)	L (mm)	L1 (mm)	L2 (mm)	H (mm)
20	1/2"	28	55	13.8	15	48.8
20	3/4"	28	64	16.3	15	54.3
25	1/2"	35	64	13.8	18	52.3
25	3/4"	35	64	16.3	18	56.3
32	1"	44	75	19.8	18.5	66.8

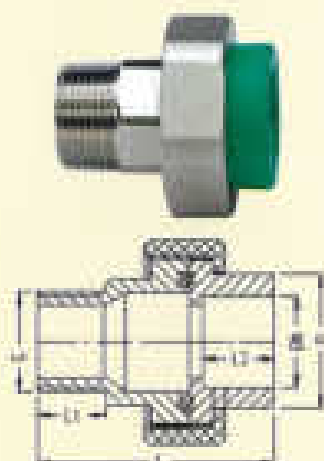
RẮC CỎ NHỰA (FUSION SOCKET)



SIZE (mm)	D (mm)	L1 (mm)	L (mm)
20	28	17.5	49
25	35	19	51.5
32	44	19	60.5
40	55	20	49.5
50	69	27	61

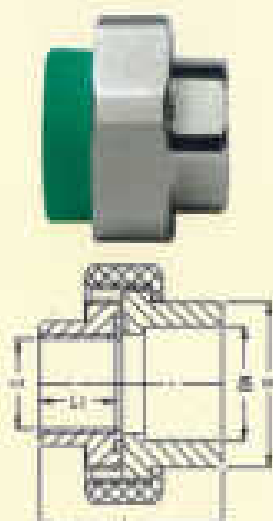


RẮC CỎ REN NGOÀI (MALE THREAD UNION)



SIZE (mm)	G (inch)	D (mm)	L (mm)	L1 (mm)	L2 (mm)
20	1/2"	28	50	14	15
25	3/4"	35	56.2	15	16.5
32	1"	44	64.2	19	18.5
40	1 1/4"	55	73.8	20.5	21
50	1 1/2"	69	83.2	22.5	24
63	2"	83.5	89	26	27.5

RẮC CỎ REN TRONG (FEMALE THREAD UNION)



SIZE (mm)	G (inch)	D (mm)	L (mm)	L1 (mm)	L2 (mm)
20	1/2"	28	36	14	15
25	3/4"	35	41.2	15	16.5
32	1"	44	45.2	19	18.5
40	1 1/4"	55	53.3	20.5	21
50	1 1/2"	69	59.2	22.5	24
63	2"	83.5	67	26	27.5

MẶT BÍCH (FLANGE)



* Phụ kiện của Axi-Axi

SIZE (mm)	D (mm)	D1 (mm)	L1 (mm)	L2 (mm)	L (mm)
63	76	102	27.5	15.5	43.5
75	90	122	30	16	46
90	108	138	33	17	50
110	131	158	37	18.5	55.5

SIZE (mm)	D1 (mm)	D (mm)	L2 (mm)	L (mm)
125 ^a	155	125	22	100
140 ^a	185	140	22	105
160 ^a	212	160	25	100
200 ^a	265	200	35	140

NÚT BÍT (End Cap)



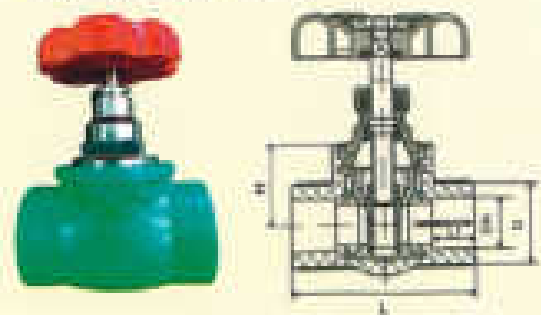
SIZE (mm)	D (mm)	L (mm)	L1 (mm)
20	28	23	17.9
25	35	25	18.8
32	44	28	20.2
40	55	32	23.5
50	69	33.5	24
63	85.5	40	28
75	99.5	45	32
90	119.6	53	38

VAN CHẶN (Stop Valve)



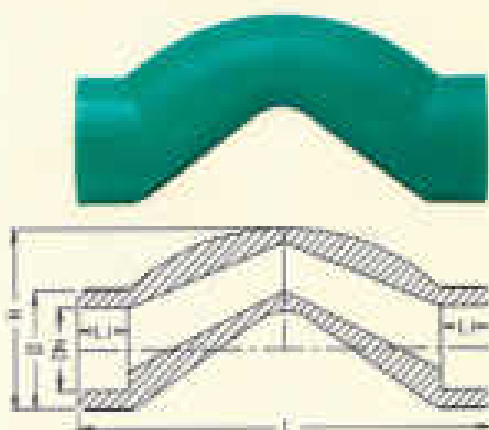
SIZE (mm)	D (mm)	L1 (mm)	H (mm)	L (mm)
20	28	15	26.5	68
25	35	18	30	80
32	44	18.5	33	84
40	56	20.5	48	99
50	69	24	45	109
63	85.5	28	62	119

VAN CỬA (Gate Valve)



SIZE (mm)	D (mm)	L1 (mm)	H (mm)	L (mm)
20	28	15	28	65
25	35	17	30	72
32	44	18.5	32	80

ỐNG TRÁNH (Swan Neck)



Đường kính DN (mm)	D (mm)	L1 (mm)	L (mm)	H (mm)
20	28	16.5	95	45
25	35	18	123	53.5
32	44	19	157	67
40	55	21	180	82.5
50	69	24	218	96.5
63	85.5	28	266	124.75



IV

PHƯƠNG PHÁP LẮP ĐẶT ỐNG VÀ PHỤ KIỆN PPR (HÀN CHÁY BẰNG MÁY HÀN)

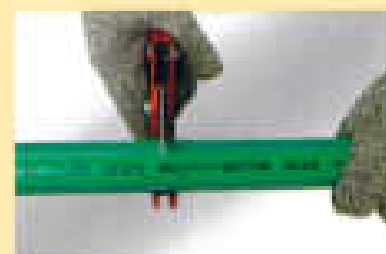
PP-R PIPE AND FITTING METHOD USING WELDING MACHINE (USING WELDING MACHINE)

Dụng cụ lắp đặt bao gồm: Máy Hàn, Kéo Cắt Ống

Installation tools: Welding Machine, Pipe Cutter.

Bước 1: Cắt theo chiều vuông góc với trục ống và lau sạch đầu đã cắt

Step 1: Cut the pipe perpendicular to its axis and clean the cut.



Bước 2: Nung chảy các thiết bị hàn tại đúng nhiệt độ 260°C theo thời gian nung chảy phù hợp được cho theo bảng ...

Step 2: Melting the pipe or fitting by welder at exact temperature is 260°C for the best joint. The period time to weld shown in the table below.



Bước 3: Lắp ráp ống, phụ kiện vào nhau và giữ chặt, không xoay ống trong lúc nối

Step 3: Assemble pipe, fitting together and hold on. Do not rotation during the jointing time.



THỜI GIAN THAO TÁC HÀN PPR

PPR WELDING TIME

Quy Cách Ống SIZE	Thời gian nung chảy (giây) Heating sec	Thời Gian Hàn (giây) Jointing sec	Để nguội (giây) Cooling sec
20	5	4	2
25	7	4	2
32	8	5	4
40	12	6	4
50	18	7	4
63	24	8	6
75	30	8	6
90	40	8	6
110	50	10	8

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Ống nhựa và phụ tùng chịu nhiệt Polypropylen (PP) dùng cho mục đích cấp và thoát nước, loại ống nhựa PP-R dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh trong điều kiện có áp suất, đường kính danh nghĩa từ 20mm đến 200 mm

đã nhận hiệu chuẩn nội



được sản xuất tại

CÔNG TY TNHH HÓA NHỰA ĐỆ NHẤT

Trụ sở và Nhà máy tại Long An: Lô B02 đường số 3, khu công nghiệp Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam

phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

QCVN 16:2019/BXD

và được phép sử dụng Dấu hợp quy



Phương thức đánh giá:

Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCH ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCH ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số Giấy chứng nhận:

2098

Mã số:

2098-21-01/01

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

từ ngày 15/10/2021 đến ngày 14/10/2024

CHỮ KÝ



Trần Quốc Dũng

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Ống nhựa chịu nhiệt PP-R dùng để dẫn nước nóng và lạnh, đường kính danh nghĩa từ 20 mm đến 200 mm, áp suất danh nghĩa từ PN 10 đến PN 20

Với nhãn hiệu thương mại:



của:

CÔNG TY TNHH HÓA NHỰA ĐỆ NHẤT

Trụ sở và Nhà máy tại Long An: Lô D02, đường số 3, khu công nghiệp Đức Hòa 1, ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam;

phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09

và được phép sử dụng Dấu Chốt lượng



Phương thức chứng nhận:

Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCH ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCH ngày 31/03/2017)

Số Giấy chứng nhận:

SP 2393/01.21.14

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

từ ngày 08/11/2021 đến ngày 08/11/2024

Ngày chứng nhận lần đầu:

01/11/2018

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Trần Quốc Dũng

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC **PLEASE CONTACT AT:**

Nhà Máy tại Long An:

Ấp 5, Xã Đức Hòa Đông,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
Điện Thoại: 028.3877 2042 - Fax: 0272.3877 9160

Factory in Long An:

Hamlet 5, Duc Hoa Dong Village,
Duc Hoa Town, Long An Province
Tel: 028.38772042 - Fax: 0272.3877 9160

Nhà Máy tại Hải Dương:

KCN Nam Sách, Xã Ái Quốc,
Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương
Điện Thoại: 02203.751 607 - Fax: 02203.751 177

Factory in Hai Duong:

Nam Sach Industrial Park, Ai Quoc Commune,
Nam Sach District, Hai Duong Province
Tel: 02203.751 607 - Fax: 02203.751 177

Chi Nhánh Hà Nội:

Tầng 6, số 9, Ngõ 11 đường Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện Thoại: 043.785 2244 - 043.785 2255
Fax: 043.785 8809

Hanoi Branch:

6th floor, Number 9, Alley 11, Duy Tan Street,
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi
Tel: 043.785 2244 - 043.785 2255
Fax: 043.785 8809

Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh:

214-216 Trần Văn Giàu, P. Bình Trị Đông B,
Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Điện Thoại: 028.6291.5599 - Fax: 028.6291 5598

Ho Chi Minh City Branch:

214-216 Tran Van Giau Street, Binh Tri Dong B Ward,
Binh Tan District, Ho Chi Minh City
Tel: 028.6291.5599 - Fax: 028.6291 5598

VPĐD Cần Thơ:

3B22 Khu Dân Cư 91B, Phường An Khánh
Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện Thoại: 0292.3782 871 - Fax: 0292.3782 870

Can Tho Representative Office:

3B22 Residential Area 91B, An Khanh Ward,
Ninh Kieu District, Can Tho City
Tel: 0292.3782 871 - Fax: 0292.3782 870

VPĐD Nha Trang:

882/26 Đường 2/4,
Phường Vĩnh Phước, KH-Nha Trang
Điện Thoại: 0258.3541 436 - Fax: 0258.3540 437

Nha Trang Representative Office:

882/26, 2/4 Street,
Vinh Phuoc Ward, KH-Nha Trang
Tel: 0258.3541 436 - Fax: 0258.3540 437

VPĐD Đà Nẵng:

Số 16 Tân An 4, Phường Hòa Cường Bắc,
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Điện Thoại: 0236.3551 585 - Fax: 0236.3551 816

Da Nang Representative Office:

16 Tan An 4 Street, Hoa Cuong Bac Ward,
Hai Chau District, Da Nang City
Tel: 0236.3551 585 - Fax: 0236.3551 816

Website

www.nhuadenhat.vn



THE FIRST CHEMICAL PLASTIC CO., LTD